TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2023/HNGĐ-ST Ngày: 05-01-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo
2. Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 216/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Kim T, sinh năm 1984. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Bà Phan Thị Kim T và ông Trần Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 89, ngày 21/11/2005.

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông T không lo làm

ăn, chăm sóc gia đình, vợ con mà chỉ lo ăn chơi, ông T còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Giữa hai vợ chồng ngày càng căng thẳng, không thể chung sống, từ sau khi bà T sinh con thứ hai (khoảng 06 năm nay) thì bà T và ông T đã không còn chung sống với nhau, bà T thì về nhà mẹ đẻ tại thành phố Thuận An sinh sống, còn ông T thì vẫn ở nhà của hai vợ chồng tại phường T, thị xã T. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung là Trần Hạo D, sinh ngày 01/7/2006 và Trần Triệu D, sinh ngày 05/8/2015. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn trình bày:*

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, nơi kết hôn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, vợ con. Tuy nhiên, hiện nay Tâm vẫn còn thương yêu bà T, ông T đã thay đổi và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng gia đình nên không đồng ý ly hôn. Ông T hứa từ nay sẽ thay đổi, lo làm ăn để chăm lo cho gia đình, vợ con.

Về con chung: Ông T và bà T có 02 con chung là Trần Hạo D, sinh ngày 01/7/2006 và Trần Triệu D, sinh ngày 05/8/2015. Trường hợp ly hôn thì ông Trần Thanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Hạo D, để bà T được trực tiếp nuôi cháu Trần Triệu D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Kim T vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trần Thanh T vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Trần Thanh T đang cư trú tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Kim T vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trần Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 21/11/2005, bà Phan Thị Kim T và ông Trần Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Quá trình chung sống, bà T xác định hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông T không lo làm ăn, chăm sóc gia đình, vợ con mà chỉ lo ăn chơi, ông T còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Giữa hai vợ chồng ngày càng căng thẳng, khoảng 06 năm nay thì bà T và ông T đã không còn chung sống với nhau. Ông T cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như bà T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, vợ con. Tuy nhiên, ông T vẫn còn thương yêu bà T và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng gia đình nên không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, giữa bà T và ông T cũng không đưa ra được hành động hay cách thức nào để hàn gắn tình cảm, để gia đình đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Phan Thị Kim T và ông Trần Thanh T có 02 con chung là Trần Hạo D, sinh ngày 01/7/2006 và Trần Triệu D, sinh ngày 05/8/2015. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Trần Hạo D, để bà T được trực tiếp nuôi cháu Trần Triệu D. Xét thấy, ông T đã thừa nhận không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, vợ con nên không thể đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Hai con chung thì đều có nguyện vọng sống chung với bà T, do đó, việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân

thị xã Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Phan Thị Kim T phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Kim T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Trần Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Thanh T.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Trần Hạo D, sinh ngày 01/7/2006 và Trần Triệu D, sinh ngày 05/8/2015 cho bà Phan Thị Kim T được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Kim T phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0006251 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CCTHADS thị xã Tân Uyên;
- UBND phường T, thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung